

Bản án số: **64/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 06-3-2026

“V/v Tranh chấp về Ly hôn
và yêu cầu nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Ông Tô Hải Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 351/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28/10/2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Danh Thị Bích H – sinh năm 2000 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ E, ấp P, xã G, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T (T) – sinh năm 2000 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ E, ấp P, xã G, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Bích P – sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ E, ấp P, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 27/10/2025 và tại Biên bản không hòa giải được ngày 20/01/2026, nguyên đơn chị Danh Thị Bích H trình bày:

Vào năm 2018, chị và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu tình cảm được một thời gian thì tự nguyện chung sống với nhau, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng sau đó vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 31/01/2020.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H là do vợ chồng có quá nhiều bất

đồng, thường xuyên xảy ra tranh cãi, chị không chịu đựng được nên bỏ đi nơi khác sống và vợ chồng ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Trong thời gian ly thân chị và chồng không có gặp mặt, không có liên lạc nên vợ chồng không trao đổi cũng như không thể hàn gắn với nhau được. Nay, sau thời gian dài ly thân chị xét thấy không thể hàn gắn nên xin được ly hôn, để trả cho cả hai sự tự do, không ràng buộc gì với nhau về sau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là **Nguyễn Thị Bích D – sinh ngày 26/01/2019 và Nguyễn Thị Lan A – sinh ngày 05/3/2023**, con chung hiện tại do chị và mẹ ruột chị chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên vọng: Về quan hệ hôn nhân, **chị Danh Thị Bích H** yêu cầu được ly hôn với **anh Nguyễn Văn T**; Về con chung, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung là **Nguyễn Thị Bích D – sinh ngày 26/01/2019 và Nguyễn Thị Lan A – sinh ngày 05/3/2023**, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con **nhưng cho anh T quyền thăm nom**; Về tài sản chung, nợ chung: chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn **Anh Nguyễn Văn T** không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho **anh T** nhưng chị không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh T.

Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng ngày 28/11/2025 Người làm chứng bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Về quan hệ tôi là mẹ ruột của **Danh Thị Bích H**, trước đây cháu H có quen biết, tìm hiểu tình cảm chung sống với anh **Nguyễn Văn T** như vợ chồng, đến ngày 31/01/2020 được UBND Thị trấn G cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, sau khi kết hôn **Nguyễn Văn T** về ở bên vợ tại tổ E, ấp P, xã G.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau này giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, tôi nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không nghe và bỏ đi vào năm 2023 đến nay không còn chung sống với nhau. Anh T và chị H chung sống được 02 con là cháu **Nguyễn Thị Bích D – sinh ngày 26/01/2019 và Nguyễn Thị Lan A – sinh ngày 05/3/2023** do tôi đang nuôi dưỡng, cháu H hiện đang đi làm tại Bình Dương kiếm tiền nuôi hai con.

Trong thời gian chung sống giữa chị H và anh T không có nợ nần chung và không có tài sản chung. Tôi yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho cháu H.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng

quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Danh Thị Bích H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Bích D – sinh ngày 26/01/2019 và Nguyễn Thị Lan A – sinh ngày 05/3/2023 cho chị Danh Thị Bích H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: không có và chị H không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Danh Thị Bích H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Nguyễn Văn T với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh T không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về hôn nhân: Chị Danh Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 31/01/2020, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Danh Thị Bích H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T vì lý do vợ chồng có nhiều bất đồng, thường xuyên xảy ra tranh cãi và vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 7/2023 đến nay. Từ ngày ly thân chị và anh T không

gặp mặt, không trao đổi với nhau, cũng như không chu cấp để chị nuôi con cứ im lặng **kéo dài đến nay**.

Đối với **anh Nguyễn Văn T**, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng **anh T** đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Chị **Danh Thị Bích H** khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng chị không hòa giải được với nhau, bản thân chị thì không còn tình cảm gì với anh T và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh T. HĐXX thấy rằng, **chị Danh Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T đã không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân là để cả hai có thời gian cùng nhau nhìn lại những gì đã trải qua nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Danh Thị Bích H là phù hợp.**

[3] Về con chung: **Chị Danh Thị Bích H** xác định vợ chồng có 02 con chung tên là **Nguyễn Thị Bích D – sinh ngày 26/01/2019 và Nguyễn Thị Lan A – sinh ngày 05/3/2023**. Cháu **D** và cháu **Lan A** hiện nay đang sống cùng với chị H nên chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi và không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con. Xét từ ngày ly thân đến nay cháu **D** và cháu **Lan A** đều do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu phát triển một cách bình thường như bao đứa trẻ khác; cháu **D** và cháu **Lan A** cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục chung sống cùng với chị H nên yêu cầu nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp theo nguyện vọng của cháu **cháu D và cháu Lan A**. Do đó, HĐXX xem xét giao hai con chung là **Nguyễn Thị Bích D và Nguyễn Thị Lan A** cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: **Chị Danh Thị Bích H** xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Do anh Nguyễn Văn T không có ý kiến tại Tòa về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên thì anh T có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn chị **Danh Thị Bích H** phải chịu nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho **chị Danh Thị Bích H** được ly hôn với **anh Nguyễn Văn T**.

2. Về con chung: Giao con chung tên là **Nguyễn Thị Bích D – sinh ngày 26/01/2019 và Nguyễn Thị Lan A – sinh ngày 05/3/2023** cho chị Danh Thị Bích H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở **anh T** thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Danh Thị Bích H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số **0006337, ngày 28/10/2025** của **Thi hành án dân sự tỉnh An Giang**. Như vậy, **chị Danh Thị Bích H** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 06/3/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM- TAND tỉnh An Giang; THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA- VKSND khu vực 5;

- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã **Gò Quao**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Kim Nhập

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập